

④

C.Nga

Trang : 1/2

Mã nhận dạng: 000276

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Phiên dịch (224335) - Nhóm 01

Đợt thi: HK3 2021-2022

Ngày thi: 25/08/2022

Phòng thi: B4-23 D5-30

Đ 22

R 4

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

|                  |                  |                   |                   |
|------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2 |
|                  |                  |                   |                   |

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Mã lớp   | H. Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên                 | Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân     |
|-----|------------|------------------------|------------|----------|--------|-------------|--------|-----------|------------|---------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | 2120220005 | NGUYỄN TRUNG ÁI        | 18/03/2000 | CCQ2024G |        | 1           |        | 8.0       | 7.0        | 7.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 2   | 2120240120 | ĐÌNH THỊ HIỀN          | 06/09/2002 | CCQ2024E |        | 1           |        | 8.0       | 2.3        | 4.6     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 3   | 2120240064 | TRẦN ĐÌNH DUY          | 03/10/2001 | CCQ2024C |        | 1           |        | 8.3       | 7.8        | 8.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 4   | 2119240205 | LÊ TRẦN LINH           | 13/03/2001 | CCQ1924H |        | 1           |        | 8.4       | 7.8        | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 5   | 2118240084 | NGUYỄN VĂN ĐẠT         | 27/08/2000 | CCQ1824B |        | 1           |        | 6.5       | 6.5        | 6.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 6   | 2120240152 | NGUYỄN THỊ KIM         | 22/09/2002 | CCQ2024F |        | 1           |        | 9.0       | 8.3        | 8.6     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 7   | 2119240174 | NGUYỄN PHƯƠNG HIỀN     | 10/01/2001 | CCQ1924G |        | 1           |        | 9.2       | 8.6        | 8.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 8   | 2120240124 | HUỲNH LÊ KIM KHÁNH     | 06/07/2001 | CCQ2024E |        | 1           |        | 8.4       | 3.8        | 5.6     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 9   | 2118240098 | ĐOÀN TRUNG KIẾN        | 21/07/1999 | CCQ1824B |        | 1           |        | 5.6       | 5.0        | 5.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 10  | 2120240044 | LÊ KHÁ KỲ              | 01/08/2001 | CCQ2024B |        | 1           |        | 7.5       | 7.1        | 7.3     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 11  | 2120100220 | NGUYỄN THỊ KIỀU LINH   | 21/06/2002 | CCQ2024G |        | 1           |        | 5.6       | 3.2        | 4.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 12  | 2120240106 | TRẦN NGUYỄN HOÀNG LINH | 01/09/2002 | CCQ2024D |        | 1           |        | 8.8       | 8.8        | 8.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 13  | 2120240257 | CAO HOÀNG HẢI NAM      | 01/08/1997 | CCQ2024E |        | 1           |        | 5.6       | 7.6        | 6.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 14  | 2120240131 | LÊ TRẦN QUÝ NAM        | 21/05/2000 | CCQ2024E |        | 1           |        | 5.2       | 3.9        | 4.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 15  | 2118240390 | CHÂU THÚY NGÂN         | 06/09/2000 | CCQ1824F |        | 1           |        | 6.2       | 6.2        | 6.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 16  | 2119240154 | BÙI NGỌC VÂN NHI       | 12/01/2000 | CCQ1924F |        | 1           |        | 6.0       | 5.8        | 5.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 17  | 2120240073 | PHẠM THỊ BÍCH NHUNG    | 27/01/1999 | CCQ2024C |        | 1           |        | 7.0       | 4.5        | 5.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 18  | 2120240049 | LÊ THỊ KIM OANH        | 16/07/2002 | CCQ2024B |        | 1           |        | 5.5       | 3.5        | 4.3     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 19  | 2120240050 | NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG | 01/01/2001 | CCQ2024B |        | 1           |        | 5.4       | 6.2        | 5.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 20  | 2120240212 | PHẠM THỊ HỒNG QUỲN     | 10/03/2002 | CCQ2024D |        | 1           |        | 8.0       | 7.8        | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 09/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Phiên dịch (224335) - Nhóm 01

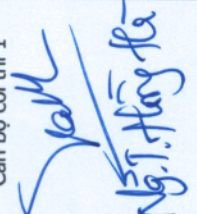
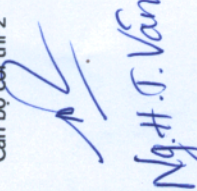
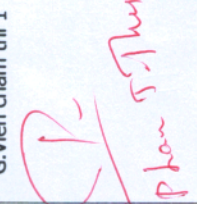
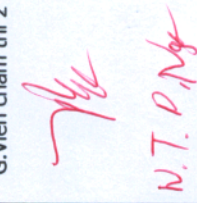
Đợt thi: HK3 2021-2022 Tổ: 001

Ngày thi: 25/08/2022 Giờ: 12:30

Phòng thi: D4-23

Mã nhận dạng: 000276

Trang : 2/2

|                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1                                                                  | Cán bộ coi thi 2                                                                  | G. Viên chấm thi 1                                                                | G. Viên chấm thi 2                                                               |
|  |  |  |  |

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV       | Ngày sinh  | Mã lớp   | H. Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên                 | Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân     |
|-----|------------|--------------------|------------|----------|--------|-------------|--------|-----------|------------|---------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 21  | 2118110066 | VŨ TRUNG THÀNH     | 05/04/2000 | CCQ1824F |        | 1           | Thao   | 9.8       | 8.5        | 9.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)     |
| 22  | 2120240142 | VŨ THỊ HOÀI THU    | 06/05/2000 | CCQ2024E |        | 1           | Thao   | 8.4       | 5.8        | 6.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 23  | 2120240220 | TRẦN THỊ NGỌC TRÂM | 07/01/2002 | CCQ2024F |        | 1           | Thao   | 5.0       | 7.4        | 6.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 24  | 2120240083 | DƯƠNG QUẾ TRẦN     | 11/04/2001 | CCQ2024C |        | 1           | Thao   | 7.0       | 6.8        | 6.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 25  | 2120240215 | NGUYỄN MINH TRÍ    | 05/04/2002 | CCQ2024E |        | 1           | Thao   | 6.0       | 4.8        | 5.3     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 26  | 2120240086 | PHAN THỊ MỸ TRINH  | 02/01/2002 | CCQ2024C |        | 1           | Thao   | 2.7       |            |         | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 27  | 2119240228 | TRẦN THỊ HỒNG VÂN  | 13/04/2001 | CCQ1924H |        | 1           | Thao   | 7.8       | 7.0        | 7.3     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Phiên dịch (224335) - Nhóm 02

Đợt thi: HK3 2021-2022 Tổ: 001

Ngày thi: 25/08/2022 Giờ: 12:30

Phòng thi: D5-23 D5-30

Mã nhận dạng: 000277

Trang : 1/1

|                  |                  |                    |                    |
|------------------|------------------|--------------------|--------------------|
| Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G. Viên chấm thi 1 | G. Viên chấm thi 2 |
|                  |                  |                    |                    |

Số SV có mặt: 9  
Số bài thi: 9  
Số tờ giấy thi: 9

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV            | Ngày sinh  | Mã lớp    | H. Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên                 | Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân     |
|-----|------------|-------------------------|------------|-----------|--------|-------------|--------|-----------|------------|---------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | 2120240177 | BẠCH GIA LÂM            | 25/03/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 8.0       | 1.7        | 4.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 2   | 2120240178 | NGUYỄN THỊ KIM LOAN     | 24/04/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 8.0       | 7.9        | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 3   | 2120240179 | CÁI NGỌC LONG           | 04/09/2000 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 9.0       | 8.6        | 8.8     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 4   | 2120240180 | NGUYỄN TIẾN HOÀN NGUYỄN | 27/08/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 8.0       | 9.2        | 9.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 5   | 2120240181 | CAO LÂM NHƯ NGUYỄN      | 27/12/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 8.0       | 3.2        | 5.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 6   | 2120240171 | PHAN THỊ KIỀU TRINH     | 20/07/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 8.5       | 7.8        | 8.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 7   | 2120240204 | NGUYỄN THỊ ANH TRÚC     | 27/12/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 8.5       | 1.6        | 4.4     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 8   | 2120240028 | VÕ THỊ THANH TRÚC       | 15/01/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 7.5       | 3.6        | 5.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 9   | 2120240182 | PHÙNG QUỐC ANH TÚ       | 18/01/2002 | CCQ2024LA |        | 1           |        | 7.8       | 0.7        | 3.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) | (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Đ: 40  
H: 06

Mã nhận dạng: 000271

Trang : 1/3

Môn học: **Biên dịch (224311) - Nhóm 01**  
Đợt thi: **HK3 2021-2022** Tổ: **001**  
Ngày thi: **26/08/2022** Giờ: **07:30**  
Phòng thi: **A301**

|                  |                  |                   |                   |
|------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2 |
|                  |                  |                   |                   |

Số SV có mặt: 46  
Số bài thi: 46  
Số tờ giấy thi: 46

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV        | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký | Đ.QT 40% | Đ.Thi 60% | Điểm HP | Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên                | Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân             |
|-----|------------|---------------------|------------|----------|-------|-------------|--------|----------|-----------|---------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1   | 2120220005 | NGUYỄN TRUNG ÁI     | 18/03/2000 | CCQ2024G |       | 02          |        | 87       | 76        | 80      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2   | 2120240150 | ĐẶNG THỊ QUỲNH ANH  | 08/03/2002 | CCQ2024F |       | 02          |        | 79       | 68        | 72      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3   | 2120240229 | NGUYỄN KIM ANH      | 03/08/2002 | CCQ2024H |       | 02          |        | 79       | 51        | 62      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 4   | 2120240093 | NGUYỄN THỊ TRÂM ANH | 13/04/2002 | CCQ2024D |       | 02          |        | 71       | 70        | 70      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5   | 2120240090 | TRẦN LÊ HOÀNG ANH   | 22/09/2002 | CCQ2024D |       | 02          |        | 87       | 73        | 79      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6   | 2120240063 | NGÔ THỊ DIỄN        | 10/10/1999 | CCQ2024C |       | 02          |        | 76       | 81        | 79      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7   | 2120240186 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN | 07/01/2002 | CCQ2024F |       | 02          |        | 92       | 70        | 79      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8   | 2119240205 | LÊ TRẦN LINH ĐAN    | 13/03/2001 | CCQ1924H |       | 02          |        | 77       | 76        | 76      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9   | 2120240094 | TRẦN PHÁT ĐẠT       | 14/11/2002 | CCQ2024D |       | 02          |        | 76       | 80        | 78      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10  | 2120240122 | HUỲNH THỊ HỒNG HẠNH | 24/10/2002 | CCQ2024E |       | 02          |        | 80       | 66        | 72      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11  | 2120240098 | NGUYỄN THỊ NHƯ HẢO  | 25/08/2002 | CCQ2024D |       | 02          |        | 70       | 42        | 53      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12  | 2120240187 | KA LỎ MĂNG HOA      | 02/08/2002 | CCQ2024F |       | 02          |        | 79       | 53        | 63      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13  | 2120240102 | ĐỖ THIÊN HUY        | 23/07/2002 | CCQ2024D |       | 02          |        | 64       | 42        | 51      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14  | 2118240098 | ĐOÀN TRUNG KIẾN     | 21/07/1999 | CCQ1824B |       | 02          |        | 78       | 70        | 73      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15  | 2120240158 | TRẦN THỊ TRÚC LINH  | 19/02/2000 | CCQ2024F |       | 02          |        | 79       | 50        | 62      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 16  | 2120240209 | VÕ TRÀ MY           | 24/07/2002 | CCQ2024C |       | 02          |        | 92       | 63        | 75      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 17  | 2118240390 | CHÂU THÚY NGÂN      | 06/09/2000 | CCQ1824F |       | 02          |        | 63       | 54        | 58      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 18  | 2117240324 | PHAN THỊ KIM NGÂN   | 04/04/1999 | CCQ1724F |       | 02          |        | 53       | 48        | 50      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 19  | 2120240110 | BÙI THỊ HỒNG NGUYỄN | 15/08/2002 | CCQ2024D |       | 02          |        | 78       | 56        | 65      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 20  | 2120240136 | LÊ TUYẾT HỒNG NHUNG | 04/07/2002 | CCQ2024E |       | 02          |        | 63       | 09        | 31      | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |